TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2020.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Thật.
2. Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hoàng Hạt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc A – sinh năm 1997, có mặt.
Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn G, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1988, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp A2, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Ngọc A như sau: Bà và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau vào năm 2015, đến năm 2016 thì gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục ở địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/5/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng bà có tính lười biếng, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông T thường hay nhậu nhẹt rồi kiếm chuyện vô cớ, còn dùng bạo lực đối với bà, thời gian 08 tháng nay ông T không về nhà và vợ chồng bà sống ly thân từ đó cho đến nay, hiện nay ông T đã bỏ đi và cũng không liên lạc với bà, bà không biết ông T đang ở đâu. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, bà không còn tình cảm yêu

thương ông T nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A1 – sinh ngày 18/11/2017 hiện đang sống chung với bà A.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A1 – sinh ngày 18/11/2017 và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông T.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Ngọc A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T và yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A1 – sinh ngày 18/11/2017 và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Trương Ngọc A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A1 – sinh ngày 18/11/2017 cho bà A nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của bà Trương Ngọc A và ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, ông T có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Nguyễn Văn T vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên, ngày 10/7/2020 Tòa án có làm việc với ông Nguyễn Văn Ngọc là Phó Trưởng ấp A2, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nơi ông T đăng ký hộ khẩu thường trú để xác minh về hôn nhân của bà A và ông T thì được ông Ngọc cung cấp thông tin rằng ông Nguyễn Văn T hiện vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa phương, ông T đã bỏ địa phương đi từ tháng 5/2020 cho đến nay không trở về địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng bà A và ông T không sinh sống ở ấp A2, xã Đ nên ông không biết. Ngày 14/7/2020 Tòa án làm việc với ông La Chí Hiếu là Trưởng khu phố Ph, thị trấn G nơi bà A và ông T cư trú để xác minh về tình trạng hôn nhân và tranh chấp tài sản của vợ chồng bà A và được ông Hiếu cung cấp thông tin rằng sau khi cưới vợ chồng ông T, bà A có cư trú ở khu phố Ph, thị trấn G, trong quá trình chung sống thì không nghe nói gì về mâu thuẫn vợ chồng và cũng không có tranh chấp về tài sản hay nợ nần với ai ở địa phương. Tòa án đã tống đạt trực tiếp và niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Ngọc A và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95/2016, ngày 10/5/2016, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà A và ông T là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn ông bà chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau, nên khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà A cho rằng vợ chồng bà không hợp nhau vì ông T có tính lười biếng, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông T hay nhậu nhẹt và đánh đập bà, hiện nay ông T đã bỏ đi không còn sống chung với bà và cũng không liên lạc với bà, bà không biết ông T hiện đang ở đâu. Tòa án đã tống đạt các thông báo để ông T trình bày ý kiến về việc bà A kiện ly hôn nhưng ông T không phản hồi bất cứ ý kiến gì cho thấy ông T tỏ thái độ không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này. Ngày 15/5/2020 và ngày 02/6/2020 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông T không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T, tại phiên tòa bà A cương quyết xin ly hôn với ông T. Xét thấy vợ chồng bà A và ông T đã sống ly thân với nhau 08 tháng nay không tự hàn gắn được, hiện nay ông T bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, ông bà không còn liên lạc gì với nhau cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, tại phiên tòa bà A tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu

thương ông T vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[4] Về con chung: Bà A và ông T có con 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A1 – sinh ngày 18/11/2017, hiện bà A đang nuôi cháu Ngọc, nay bà A xin tiếp tục nuôi con. Ông T không nuôi con và không có ý kiến gì về quyền nuôi con nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của bà A.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trương Ngọc A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008772, ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc A.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trương Ngọc A và ông Nguyễn Văn T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A1 – sinh ngày 18/11/2017 cho bà A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Ngọc A phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008772, ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang